

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HS-ST

Ngày 17 - 3 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Lý

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiều
2. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST- HS ngày 19 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/HSST - QĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

Lương Đức Đ, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1987 tại xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Đức Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; bị cáo chưa có vợ, con.

Nhân thân: Quyết định số 980/QĐ-UB ngày 18/12/2000 Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng (đã chấp hành xong ngày 21/8/2002); Quyết định số 3597/QĐ-UB ngày 21/12/2012

của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 12 tháng (đã chấp hành xong ngày 08/12/2013); Bản án số 87/2014/HSST ngày 04/6/2014 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/10/2015, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 28/7/2014);

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

(*Có mặt*)

- **Bị hại:** Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1996; (*vắng mặt*)

Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- **Người làm chứng:**

1. Chị Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1998;

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961;

3. Chị Đỗ Thị Tuyết T, sinh năm 1987;

4. Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1964;

5. Chị Đỗ Thị Thu T, sinh năm 1996;

Đều cư trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình

6. Anh Nguyễn Tuấn T, sinh năm 1999;

Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình

(*Chị H, bà T, chị T, ông T, chị T, anh T đều vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 15/6/2019, anh Nguyễn Tuấn T điều khiển xe mô tô chở anh Nguyễn Hữu T đi chơi trên đường trục xã Đ theo hướng từ dốc chợ Đ về Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình. Khi đi qua dốc chợ Đ khoảng 100 mét thuộc địa phận thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình, thì anh Nguyễn Hữu T và anh Nguyễn Tuấn T gặp bị cáo Lương Đức Đ đang điều khiển xe mô tô đi theo hướng ngược chiều. Vì cho rằng Đ đi lấn sang phần đường của mình nên anh Nguyễn Hữu T ngồi phía sau nói: “*Đ mẹ thằng kia, mày đi thế à*”, nghe vậy Đ dừng xe quay mặt lại nói: “*Thằng kia mày chửi ai đấy?*”. Lúc này, anh Nguyễn

Hữu T xuống xe nói tiếp: “*Bố mày chửi mày đấy*”. Thấy vậy, Đ xuống xe, đi bộ lại chỗ anh Nguyễn Hữu T đứng, vừa đi Đ vừa nói: “*Mày chửi ai?*” thì anh Nguyễn Hữu T chạy vào cửa hàng tạp hóa L của chị Đỗ Thị Tuyết T ở cạnh đường lầy 01 chiếc ô màu xanh dài khoảng 80 cm từ trong cửa hàng đi ra. Khi cách Đ khoảng 01 (một) mét thì anh Nguyễn Hữu T cầm ô bằng tay phải vụt từ trên xuống dưới nhiều nhát về phía bị cáo Đ, Đ lùi lại tránh thì bị chiếc ô vụt trượt qua vùng trán bên trái. Do bức xúc vì bị Nguyễn Hữu T chửi và dùng ô đánh nên Đ chạy đến tủ bán giò chả của chị Đỗ Thị Thu H ở bên đường lầy 01 con dao dùng để cắt giò chả bằng kim loại, dạng dao bầu, cán bằng gỗ, mũi dao nhọn, dài 32 cm ở trong tủ đi về phía anh Nguyễn Hữu T đứng. Khi khoảng cách giữa anh Nguyễn Hữu T và Đ còn khoảng 01 mét, Đ dùng tay phải cầm dao giơ lên cao rồi chém 01 nhát theo hướng từ trên xuống về phía anh Nguyễn Hữu T, anh Nguyễn Hữu T quay người lại để chạy nên bị Đ chém vào vùng vai bên trái. Đ tiếp tục dùng dao chém 01 nhát theo hướng từ trên xuống trúng vào vùng lưng phải của anh Nguyễn Hữu T. Lúc này, một số người dân có mặt ở đó vào can ngăn thì anh Nguyễn Hữu T lao vào giằng con dao Đ đang cầm trên tay nhưng không lấy được và bị lưỡi dao cứa vào ngón I bàn tay trái anh Nguyễn Hữu T. Sau đó, anh Nguyễn Hữu T chạy hướng lên đê dốc chợ Đ, chạy được khoảng 60 mét, anh Nguyễn Hữu T dừng lại và gọi điện thoại cho anh Phạm Văn S ở thôn D, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình, với mục đích xem người đánh mình là ai và nhờ chở đi bệnh viện. Sau khi được mọi người can ngăn thì Đ tiếp tục đi lắp điều hòa thuê cho người ở cùng thôn. Do quên dụng cụ ở nhà nên bị cáo quay về để lấy thì thấy anh Nguyễn Hữu T vẫn cầm ô đứng ở khu vực gần nhà bị cáo và liên tục chửi: “*Tao giết cả nhà mày, cả làng chúng mày...*”. Do bức xúc vì bị Nguyễn Hữu T chửi nên bị cáo đi về nhà lấy 02 con dao làm bằng kim loại (dao 01 lưỡi), lưỡi hàn liền với cán, dài 38 cm đang bày bán tại nhà rồi đi ra chỗ anh Nguyễn Hữu T đang đứng. Thấy Đ hai tay cầm 02 con dao đi về phía mình, anh Nguyễn Hữu T cầm chiếc ô trên tay phải vụt liên tiếp về phía Đ nhưng không trúng. Đ liền dùng con dao đang cầm trên tay phải chém 01 nhát từ trên xuống dưới về phía anh Nguyễn Hữu T thì trúng vào vùng trán đỉnh của anh T. Sau khi bị Đ dùng dao chém, anh Nguyễn Hữu T lao vào dùng hai tay ôm, ghì cổ ý định vật ngã Đ ra nhưng không được. Khi bị ôm ghì, Đ vẫn cầm dao trên tay phải, còn con dao cầm trên tay trái rơi xuống. Lúc này Đ xoay ngược con dao cầm trên

tay phải để phần lưỡi dao hướng ngược lên và hất dao hướng từ dưới lên trên 02 nhát trong đó 01 nhát trúng vào vùng đỉnh - chằm phải, 01 nhát trúng vào đỉnh - chằm trái của anh Nguyễn Hữu T. Hậu quả: Anh T bị thương ở vùng vai trái, lưng phải, trán đỉnh, đỉnh - chằm trái, đỉnh - chằm phải, ngón tay I bàn tay trái, vỡ bản ngoài xương đỉnh trái được đưa đi điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình.

- Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 4362/C09-TT1 ngày 13/8/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

“1. Kết quả chính:

Căn cứ kết quả nghiên cứu hồ sơ, khám giám định, khám chuyên khoa và các xét nghiệm, xác định anh Nguyễn Hữu T bị đa vết thương đã được điều trị. Hiện có các thương tích, di chứng sau:

- Sẹo vùng trán - đỉnh. Sẹo vùng đỉnh - chằm phải. Sẹo vùng đỉnh - chằm trái. Sẹo vùng vai trái. Sẹo vùng lưng phải. Sẹo ngón I tay trái.

- Vỡ bản ngoài xương đỉnh trái, chiều dài 4,3m; diện não không có ổ tổn thương tương ứng.

2. Kết luận:

Đối chiếu với bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ y tế, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể cho từng thương tích, di chứng như sau:

- Sẹo vùng trán - đỉnh: 03% (Mục 1, Phần 1, Chương 9)
- Sẹo vùng đỉnh - chằm phải: 02% (Mục 1, Phần I, Chương 9)
- Sẹo vùng đỉnh - chằm trái: 03% (Mục 1, Phần I, Chương 9)
- Sẹo vùng vai trái: 02% (Mục 1, Phần I, Chương 9)
- Sẹo vùng lưng phải: 01% (Mục 1, Phần I, Chương 9)
- Sẹo ngón I tay trái: 01% (Mục 1, Phần I, Chương 9)
- Vỡ bản ngoài xương đỉnh trái, chiều dài 4,3m; diện não không có ổ tổn thương tương ứng: 09% (Mục ghi chú và Mục 1.2, Phần I, chương 2)

Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Hữu T tại thời điểm giám định là 19% (Mười chín phần trăm).”

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKSVT ngày 10/01/2020 của Viện kiểm sát huyện Vũ Thư truy tố Lương Đức Đ về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lương Đức Đ phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”; căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự); điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lương Đức Đ từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 02 con dao làm bằng kim loại (dao 01 lưỡi) đều có chiều dài phần lưỡi và phần cán là 38cm và 01 con dao có phần lưỡi dao bằng kim loại (dao 01 lưỡi), cán gỗ, có chiều dài phần lưỡi và phần cán là 32cm là công cụ, phương tiện phạm tội (có đặc điểm như biên bản nhập kho vật chứng).

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo, bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong, không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm được trở về hòa nhập với cộng đồng và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố

tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các chứng cứ buộc tội bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, nội dung bản cáo trạng đã mô tả và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo và lời khai của người bị hại là anh Nguyễn Hữu T; lời khai của những người làm chứng là ông Đỗ Văn T, chị Đỗ Thị Thu T, anh Nguyễn Tuấn T, chị Đỗ Thị Thu H, bà Nguyễn Thị T, chị Đỗ Thị Tuyết T; Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Thái Bình lập hồi 23 giờ 20 phút ngày 15/6/2019; Biên bản xác định hiện trường và sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Thái Bình, lập hồi 10 giờ ngày 16/6/2019 tại đường trục xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình; Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 4362/C09-TT1 ngày 13/8/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 19 giờ ngày 15 tháng 6 năm 2019, tại khu vực đường trục xã thuộc địa phận thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình, do bức xúc vì bị Nguyễn Hữu T xúc phạm trong quá trình tham gia giao thông nên bị cáo Lương Đức Đ đã dùng dao, loại dao bầu, cán bằng gỗ, mũi dao nhọn dài 32 cm bằng tay phải chém 01 nhát trúng vùng lưng phải, 01 nhát trúng vào vùng vai trái của anh T. Khi mọi người vào can ngăn thì anh T lao vào giằng con dao bị cáo Đ đang cầm trên tay nhưng không lấy được và bị lưỡi dao cứa vào ngón I bàn tay trái. Sau đó, anh T chạy hướng lên đê đốc chợ Đ, xã Đ đứng. Khi thấy anh T cầm ô đứng ở khu vực gần nhà Đ và liên tục có những lời lẽ chửi bới nên Đ đi vào nhà lấy 02 con dao làm bằng kim loại lưỡi hàn liền với cán (dao 01 lưỡi), dài 38 cm rồi chạy ra ngoài về phía Nguyễn Hữu T đang đứng. Thấy Đ đi tới, anh T cầm chiếc ô trên tay phải vụt liên tiếp về phía Đ nhưng không trúng. Đ dùng con dao đang cầm trên tay phải chém 01 nhát từ trên xuống dưới về phía T thì trúng vào vùng trán đỉnh của T. Anh T lao vào dùng hai tay ôm, ghì cổ Đ. Lúc này, Đ xoay phần lưỡi con dao đang cầm trên tay phải hướng ngược lên và hất dao hướng từ dưới lên trên 02 nhát, trong đó 01 nhát trúng vào vùng đỉnh - chằm phải,

01 nhát trúng vào đỉnh - chằm trái của anh T. Hậu quả: anh T bị thương ở vùng vai trái, lưng phải, trán đỉnh, đỉnh - chằm trái, đỉnh - chằm phải, ngón tay I bàn tay trái, vỡ bản ngoài xương đỉnh trái. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Hữu T tại thời điểm giám định là: 19% (*Mười chín phần trăm*).

Hành vi của bị cáo Lương Đức Đ đã phạm vào tội: “Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự).

Điều 134. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác quy định:

“...2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này;

...”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo Lương Đức Đ là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về sức khỏe của con người. Bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng do mất bình tĩnh, không kiềm chế được sự tức giận của bản thân nên trong khi xảy ra mâu thuẫn với anh Nguyễn Hữu T, bị cáo đã dùng dao chém vào vùng lưng phải, vai trái, vùng trán đỉnh, vùng đỉnh chằm trái và đỉnh chằm phải của anh Nguyễn Hữu T làm anh T bị thương ở vùng vai trái, lưng phải, trán đỉnh, đỉnh - chằm trái, đỉnh - chằm phải, ngón tay I bàn tay trái, vỡ bản ngoài xương đỉnh trái, tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Hữu T tại thời điểm giám định là: 19%. Tuy nhiên, để xảy ra xô xát dẫn đến việc Đ dùng dao gây thương tích cho anh T cũng có một phần lỗi của bị hại là anh Nguyễn Hữu T. Khi tham gia giao thông anh Nguyễn Hữu T đã có lời lẽ chửi bới, xúc phạm Đ trước, anh T còn dùng ô vệt vào trán Đ gây ra sự ức chế trong tinh thần dẫn đến hành vi của bị cáo.

[4] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng của bị cáo:

Xét nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng và đưa vào cơ sở chữa

bệnh nhưng đã chấp hành xong; 01 lần bị kết án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, hiện bị cáo đã được xóa án tích.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; có thái độ ăn năn, hối cải. Bị cáo cũng đã tự nguyện bồi thường cho bị hại để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Do vậy, bị cáo được 02 hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự .

Ngoài ra, bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do bị hại là anh Nguyễn Hữu T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt:

Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo đồng thời có tác dụng chung trong việc đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo Lương Đức Đ đã tích cực khắc phục hậu quả, tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bị hại là anh Nguyễn Hữu T số tiền 10.000.000 đồng. Anh T đã nhận đủ số tiền này và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại nên cần căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 590 Bộ luật Dân sự; Hội đồng xét xử chấp nhận không đặt ra giải quyết.

[7] Về vật chứng, xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy: 02 con dao làm bằng kim loại (dao 01 lưỡi) có đặc điểm giống nhau, đều có chiều dài phần lưỡi và phần cán là 38cm, bản rộng nhất lưỡi dao rộng 07cm, bản hẹp nhất lưỡi dao rộng 04 cm, phần chuôi dao có đường kính 2,5cm và 01 con dao có phần lưỡi dao bằng kim loại (dao 01 lưỡi), cán gỗ, có chiều dài phần lưỡi và phần cán là 32cm, bản rộng nhất lưỡi dao rộng 06cm, phần đầu lưỡi dao được mài nhọn là công cụ, phương tiện phạm tội.

Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 331, Điều 333, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lương Đức Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lương Đức Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu: 02 con dao làm bằng kim loại (dao 01 lưỡi) có đặc điểm giống nhau, đều có chiều dài phần lưỡi và phần cán là 38cm, bản rộng nhất lưỡi dao rộng 07cm, bản hẹp nhất lưỡi dao rộng 04 cm, phần chuôi dao có đường kính 2,5cm và 01 con dao có phần lưỡi dao bằng kim loại (dao 01 lưỡi), cán gỗ, có chiều dài phần lưỡi và phần cán là 32cm, bản rộng nhất lưỡi dao rộng 06cm, phần đầu lưỡi dao được mài nhọn là công cụ, phương tiện phạm tội để tiêu hủy. *(Vật chứng của vụ án đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24 tháng 02 năm 2020).*

5. Về án phí: Bị cáo Lương Đức Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt bị cáo. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 17/3/2020.

Vắng mặt bị hại là anh Nguyễn Hữu T. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Công an huyện V;
- VKS ND tỉnh Thái Bình.
- VKSND huyện V;
- Chi cục THA dân sự huyện V;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu HCTP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)